

Lê Thị Đài Trang



HƯỚNG DẪN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

LÀM QUEN TIẾNG ANH

Dành cho
lứa tuổi mầm non
4-5 tuổi, tập hai



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Lê Thị Đài Trang



HƯỚNG DẪN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

LÀM QUEN TIẾNG ANH

Dành cho
lứa tuổi mầm non
4-5 tuổi, tập hai



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

	Mục lục.....	2
	Lời nói đầu.....	3
	Unit 5	4
	Unit 6.....	10
	Review 5 + 6	16
	Unit 7.....	18
	Unit 8.....	24
	Review 7 + 8.....	31

LESSON

LESSON 1



LET'S LISTEN

LESSON 2



LET'S SING

LESSON 3



LET'S TALK

LESSON 4



LET'S PLAY

LỜI NÓI ĐẦU

Làm quen tiếng Anh (dành cho lứa tuổi mầm non) là bộ sách gồm 6 quyển, dành cho ba lứa tuổi (3-4 tuổi, 4-5 tuổi và 5-6 tuổi). Bộ sách giúp trẻ bước đầu hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh đơn giản trong các tình huống quen thuộc; giúp trẻ hứng thú với hoạt động làm quen tiếng Anh và chuẩn bị tâm thế cho việc học tiếng Anh ở bậc Tiểu học.

Các nội dung bài giảng trong tài liệu này chỉ mang tính chất gợi ý và hỗ trợ thêm cho giáo viên về các ý tưởng giảng dạy phù hợp với điều kiện giảng dạy thực tế; trình độ của đối tượng học sinh và kinh nghiệm của cá nhân trong việc dạy theo bộ sách **Làm quen tiếng Anh (dành cho lứa tuổi mầm non)**.

Mỗi bài giảng bắt đầu bằng mục tiêu tổng quan và yêu cầu chung cho cả Unit bao gồm ngữ pháp (mẫu câu), từ vựng và giáo cụ cần thiết. Tiếp theo là nội dung từng bài học gồm có: mục tiêu bài học, hoạt động chính, trình tự giảng dạy, khởi động, giới thiệu bài, hoạt động mở sách và kiểm tra mức độ hiểu của học sinh kèm theo các hoạt động cụ thể trong từng phần.

Chúng tôi mong rằng tài liệu này sẽ hỗ trợ cho việc dạy bộ sách **Làm quen tiếng Anh (dành cho lứa tuổi mầm non)** của quý thầy cô thêm phần hiệu quả. Mặc dù đã rất cố gắng trong việc biên soạn, nhưng khó tránh khỏi sơ suất. Rất mong nhận được những ý kiến đóng góp từ quý thầy cô, quý cha mẹ học sinh và quý đồng nghiệp. Mọi ý kiến đóng góp xin vui lòng gửi về hộp thư điện tử banbientap@phuongnam.edu.vn.

Tác giả



Unit 5 DRINKS



I

MỤC TIÊU

Học sinh nghe hiểu, thực hành với từ vựng giới thiệu thức uống và mẫu câu nói về loại thức uống yêu thích.

II

NGÔN NGỮ

Từ vựng: *milk, juice, coke, water*

III

GIÁO CỤ CHUẨN BỊ

Sách, CD, tranh cắt dán, poster, (con rối).



LET'S LISTEN

●

MỤC TIÊU

Học sinh nghe hiểu với từ vựng về thức uống *milk, juice, coke, water*.

●

HOẠT ĐỘNG

Đọc, nghe và nhắc lại.

●

TRÌNH TỰ

1. Khởi động

Giáo viên cho học sinh ngồi theo vòng tròn và lần lượt chuyển hình của các loại thức uống *milk, juice, coke, water* đồng thời giới thiệu tên gọi của từng loại thức uống ấy. Học sinh nhận được hình, đọc to từ vựng và chuyển cho bạn tiếp theo.

2. Giới thiệu bài

Hoạt động 1

Giáo viên để bốn hình của các loại thức uống ở bốn khu vực khác nhau và lần lượt đọc to tên gọi một cách ngẫu nhiên. Học sinh lắng nghe và nhanh chóng đến khu vực có hình của loại thức uống tương ứng.

Hoạt động 2

Giáo viên phát cho học sinh hình các loại thức uống *milk, juice, coke* và *water* một cách ngẫu nhiên. Giáo viên bật nhạc và tắt nhạc ngẫu nhiên, học sinh đi tìm bạn nào có hình giống mình và đọc to từ vựng mới.

3. Hoạt động mở sách

Hoạt động 1

Giáo viên yêu cầu học sinh mở sách đồng thời ôn lại từ vựng chỉ thức uống bằng cách lần lượt chỉ vào từng hình và đọc to các từ vựng. Học sinh lắng nghe, chỉ tay vào hình trong sách và lặp lại từ vựng theo hướng dẫn.

Hoạt động 2

Giáo viên giới thiệu mẫu câu *What do you like?* để hỏi về loại thức uống yêu thích và câu trả lời *I like milk/ juice/ coke/ water*. Học sinh lắng nghe giới thiệu, thực hành hỏi và trả lời về thức uống yêu thích.

4. Kiểm tra mức độ hiểu của học sinh

Hoạt động 1

Học sinh ngồi thành vòng tròn và chuyền quả bóng khi giáo viên bật nhạc. Khi giáo viên tắt nhạc ngẫu nhiên, học sinh đang giữ quả bóng đọc to tên một loại thức uống *milk, juice, coke, water*.

Hoạt động 2

Tương tự Hoạt động 1, giáo viên đặt câu hỏi *What do you like?* và học sinh nào đang giữ quả bóng phải trả lời bằng mẫu câu *I like milk/ juice/ coke/ water*.



MỤC TIÊU

Học sinh làm quen và hát bài hát: *I like coke*

Lời bài hát:

I like coke.

Coke, coke, coke.

What about you? What about you?

I like ice-cream.

It's so yummy! Yummy! Yummy!

I like milk.

Milk, milk, milk.

What about you? What about you?

I like ice-cream.

It's so yummy! Yummy! Yummy!

I like water.

Water, water, water.

What about you? What about you?

I like ice-cream.

It's so yummy! Yummy! Yummy!

I like juice.

Juice, juice, juice.

What about you? What about you?

I like ice-cream.

It's so yummy! Yummy! Yummy!

HOẠT ĐỘNG

Đọc, nghe và nhắc lại.

TRÌNH TỰ

1. Khởi động

Giáo viên đặt úp nhiều hình các loại thức uống trên bàn và chia lớp thành hai nhóm. Từng thành viên của mỗi nhóm lên chọn hai hình, nếu hai hình giống nhau thì thành viên này đọc to loại thức uống đó. Nếu hai tấm hình không giống nhau thì đặt úp chúng lại chờ cũ và đến lượt học sinh khác tiếp tục trò chơi.

2. Giới thiệu bài

Hoạt động 1

Giáo viên chuẩn bị bốn vật mẫu thật của các loại thức uống *milk*, *coke*, *water*, *juice* và mời học sinh xung phong lên trước lớp nhắm mắt lại. Học sinh chạm vào một trong bốn mẫu vật và gọi tên loại thức uống đó bằng từ vựng tương ứng.

Hoạt động 2

Giáo viên dán hình của bốn loại thức uống lên bảng và mở bài hát cùng hát với học sinh. Khi bài hát tới từ vựng nào thì cả lớp cùng đi về hình đó và hát to kèm theo động tác để bài hát thêm sinh động.

3. Hoạt động mở sách

Hoạt động 1

Giáo viên hướng dẫn học sinh mở sách và dùng các hình dán (stickers) để dán vào trang sách sau đó đọc to từ vựng *milk*, *juice*, *coke*, *water* tương ứng.

Hoạt động 2

Giáo viên bật nhạc và hướng dẫn học sinh hát theo lời bài hát. Sau đó, giáo viên chia lớp thành bốn nhóm nhỏ được đặt tên theo bốn loại thức uống *coke*, *milk*, *water* và *juice*, mỗi nhóm hát một lời bài hát tương ứng với tên nhóm.

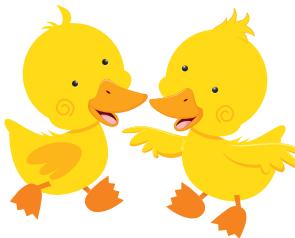
4. Kiểm tra mức độ hiểu của học sinh

Hoạt động 1

Giáo viên đặt hình các loại thức uống khắp nơi trong phòng học, trong thời gian giáo viên bật bài hát, học sinh tự do đi tìm kiếm các hình. Khi giáo viên tắt nhạc ngẫu nhiên và đưa hình *milk*/ *juice*/ *coke*/ *water* lên cao, học sinh tìm hình tương ứng trong số các hình mà mình có được, đưa lên cao và đọc to từ vựng.

Hoạt động 2

Giáo viên dán hình bốn loại thức uống lên bảng và chia lớp thành hai nhóm. Từng thành viên của nhóm ném bóng vào một trong bốn hình trên bảng. Khi bóng chạm vào hình nào thì học sinh đặt câu theo từ vựng tương ứng với hình đó *I like milk/ juice/ coke/ water.*



LET'S TALK

MỤC TIÊU

Học sinh nghe hiểu và luyện tập hỏi đáp về các loại thức uống yêu thích.

HOẠT ĐỘNG

Đọc, nghe và nhắc lại.

TRÌNH TỰ

1. Khởi động

Giáo viên chuẩn bị một chiếc túi và đặt vào trong túi bốn mẫu vật thật của các loại thức uống *milk, juice, water, coke.* Học sinh xung phong lên trước lớp, nhắm mắt lại và chọn một loại thức uống trong túi sau đó đoán xem đó là thức uống gì và gọi tên bằng từ vựng tương ứng.

2. Giới thiệu bài

Hoạt động 1

Giáo viên cắt hình các loại thức uống làm đôi và trộn lẫn các hình lại với nhau sau đó chia lớp thành hai nhóm. Thành viên của từng nhóm lần lượt lên chọn hai hình, nối lại với nhau và đọc to từ vựng.

Hoạt động 2

Giáo viên dán hình bốn loại thức uống lên bảng đồng thời chuẩn bị nhiều hình nhỏ của bốn loại thức uống để trên bàn và chia lớp thành hai nhóm. Thành viên của mỗi nhóm lần lượt lên bảng, nghe câu hỏi của giáo viên *what do you like?*, chọn hình thức uống yêu thích, dán vào hình tương ứng trên bảng và đọc to *I like milk/ juice/ coke/ water.*

3. Hoạt động mở sách

Hoạt động 1

Giáo viên hướng dẫn học sinh mở sách, thực hành hỏi đáp từng hình trong sách bằng mẫu câu *What do you like?* và trả lời *I like milk/ juice/ coke/ water.*

Hoạt động 2: Further practice

Giáo viên yêu cầu học sinh mở sách phần *Further practice*, hướng dẫn học sinh ôn tập từ vựng, mẫu câu liên quan và tô màu trang trí hộp sữa tùy thích.

4. Kiểm tra mức độ hiểu của học sinh

Hoạt động 1

Giáo viên dán hình bốn loại thức uống lên bảng đồng thời chuẩn bị hình dán của biểu tượng cảm xúc thích và không thích hoặc vui và buồn. Học sinh lần lượt lên bảng chọn một hình biểu tượng cảm xúc và dán vào hình của loại thức uống thích hoặc không thích.

Hoạt động 2

Giáo viên đặt nhiều hình của bốn loại thức uống ở khắp nơi trong phòng học và chia lớp thành bốn nhóm tương ứng với bốn loại thức uống *milk, juice, water, coke*. Giáo viên bắt bài hát và các nhóm đi tìm hình tương ứng của nhóm mình. Sau khi bài hát kết thúc, các nhóm tổng kết số lượng hình tìm được và đọc to từ vựng *I like milk/ juice/ coke/ water*.



MỤC TIÊU

Học sinh hiểu và thực hành từ vựng về các loại thức uống *milk, juice, water, coke*.

HOẠT ĐỘNG

Đọc, nghe và nhắc lại.

TRÌNH TỰ

1. Khởi động

Giáo viên bắt bài hát và cho học sinh di chuyển theo hình tròn. Giáo viên lần lượt đưa hình các loại thức uống *milk, juice, coke, water* lên cao với tốc độ nhanh dần, học sinh di chuyển theo hình tròn, hát theo bài hát, nhìn hình giáo viên đưa cao và đọc to từ vựng tương ứng.

2. Giới thiệu bài

Hoạt động 1

Giáo viên chia lớp thành hai hoặc ba nhóm học sinh đứng xếp thành hai hàng trước bảng đồng thời dán hình của bốn loại thức uống

lên bảng. Khi giáo viên nói nhỏ vào tai học sinh đứng đầu mỗi hàng một từ vựng giống nhau, học sinh trong từng nhóm phải nói nhỏ vào tai bạn kế bên cho đến bạn cuối cùng. Học sinh cuối hàng lên bảng và chạm vào hình đúng đồng thời đọc to từ vựng.

Hoạt động 2

Tương tự Hoạt động 1 nhưng trong hoạt động này giáo viên sẽ nói trọn câu *I like milk/ juice/ coke/ water.*

3. Hoạt động mở sách

Hoạt động 1

Học sinh mở sách và cùng thực hành hỏi đáp với các từ vựng liên quan đến nội dung từng hình trong sách.

Hoạt động 2

Sau khi ôn tập từ vựng về các loại thức uống có trong sách, giáo viên hướng dẫn học sinh khoanh tròn hai hình giống nhau theo từng nhóm tranh.

4. Kiểm tra mức độ hiểu của học sinh

Hoạt động 1

Giáo viên đặt các hình bốn loại thức uống xung quanh lớp học đồng thời hướng dẫn học sinh đi tìm hình *milk/ juice/ coke/ water* khi nghe câu lệnh *Pick up milk/ juice/ coke/ water.*

Hoạt động 2

- Giáo viên dán hình một trong các loại thức uống vào sau lưng một học sinh và cho học sinh này biết đây là loại thức uống gì. Học sinh này đứng đối diện lớp để các bạn khác không nhìn thấy hình dán.

- Học sinh đặt câu hỏi *What do I like?* và cả lớp đoán tên loại thức uống là gì *I like milk/ juice/ coke/ water* cho đến khi đúng với hình đang được dán trên lưng mình.

Unit 6

FEELINGS



I

MỤC TIÊU

Học sinh hiểu và thực hành các từ vựng, mẫu câu thể hiện cảm xúc và tâm trạng.

II

NGÔN NGỮ

Từ vựng: happy, sad, great, cold

III

GIÁO CỤ CHUẨN BỊ

Sách, CD, tranh cắt dán, poster, (con rối).



LET'S LISTEN

●

MỤC TIÊU

Học sinh được giới thiệu các từ vựng happy, sad, great, cold và nghe hiểu mẫu câu thể hiện cảm xúc I'm happy/ cold/ great/ sad.

●

HOẠT ĐỘNG

Đọc, nghe và nhắc lại.

●

TRÌNH TỰ

1. Khởi động

Giáo viên vẽ hình các khuôn mặt có biểu hiện cảm xúc khác nhau lên bảng và yêu cầu học sinh đoán xem đó là những cảm xúc gì. Sau đó giáo viên cung cấp từ vựng bằng tiếng Anh và học sinh lặp lại những từ vựng đó kèm theo những biểu cảm đi kèm.

2. Giới thiệu bài

Hoạt động 1

Giáo viên chuẩn bị nhiều hình thể hiện các cảm xúc happy, sad, great, cold và đặt úp sao cho học sinh không nhìn thấy hình. Học sinh lần lượt mở từng cặp hình lên xem có giống nhau không, nếu hai hình giống nhau thì học sinh đọc to câu miêu tả cảm xúc I'm happy/ sad/ great/ cold.

Hoạt động 2

Giáo viên vẽ hoặc dán hình các cảm xúc lên bảng và lần lượt chỉ vào từng hình đồng thời yêu cầu học sinh đọc to từ vựng tương ứng kèm theo thể hiện cảm xúc.

3. Hoạt động mở sách

Hoạt động 1

Hướng dẫn học sinh mở sách để làm quen với ngữ cảnh chính của bài học là các bạn vui đi hội chợ xuân và tham gia nhiều trò chơi thú vị. Giáo viên chỉ vào tranh, đọc to hoặc mở CD và yêu cầu học sinh lặp lại từ vựng.

Hoạt động 2

Giáo viên hướng dẫn học sinh thực hành theo cặp, một bạn chỉ vào hình và bạn còn lại sẽ đọc to mẫu câu tương ứng.

Hoạt động 3

Học sinh thực hành theo cặp, một bạn làm động tác thể hiện cảm xúc và bạn còn lại nói ra từ vựng tương ứng.

4. Kiểm tra mức độ hiểu của học sinh

Hoạt động 1

Học sinh làm việc theo nhóm và nhận một tờ giấy A4 có sẵn các biểu tượng chỉ cảm xúc *happy, sad, great, cold*. Giáo viên chuẩn bị nhiều hình các nhân vật hoạt hình trong các sách, ảnh, tạp chí và yêu cầu học sinh tìm hình các nhân vật thể hiện các cảm xúc được cung cấp sẵn.

Hoạt động 2: *Monster's feelings*

- Giáo viên hướng dẫn học sinh cách vẽ hình *Monster* (con quái vật) tùy thích và sau đó thể hiện cảm xúc của nó bằng cách vẽ thêm miệng cười *happy*, miệng khóc *sad*, vẽ thêm chân nhảy cẳng lên thể hiện cảm xúc tuyệt vời *great* hoặc vẽ thêm khăn choàng cổ cho trạng thái lạnh *cold*.

- Sau đó từng nhóm học sinh sẽ dán tranh *Monster* cho cả lớp cùng xem và trình bày về bức tranh của mình, ví dụ học sinh có thể đặt câu như *My monster is happy*.



MỤC TIÊU

Học sinh hát bài hát *If you're happy ...*

Lời bài hát:



*If you're happy and you know it, clap your hands.
If you're happy and you know it, clap your hands.
If you're happy and you know it, if you really want to show.
If you're happy and you know it, clap your hands.*



● HOẠT ĐỘNG ➤

Đọc, nghe và nhắc lại.

● TRÌNH TỰ ➤

1. Khởi động

Giáo viên yêu cầu học sinh xếp thành vòng tròn và nắm tay nhau đi vòng quanh theo bài hát. Sau đó, giáo viên mở nhạc và tắt nhạc một cách ngẫu nhiên. Trong mỗi lần ngưng nhạc, giáo viên đọc to từ vựng *I'm happy/ sad/ great/ cold*, cả lớp dừng lại và thể hiện cảm xúc tương ứng.

2. Giới thiệu bài

Hoạt động 1

- Giáo viên dán hình khuôn mặt thể hiện các cảm xúc khác nhau khắp lớp học và học sinh di chuyển tự do xung quanh lớp khi giáo viên bật bài hát *If you're happy*.
- Khi giáo viên ngưng nhạc thì tất cả học sinh chạy đến chỗ có khuôn mặt thể hiện cảm xúc tương ứng và mô phỏng động tác thể hiện giống như hình sau đó đọc to các mẫu câu thể hiện cảm xúc.

Hoạt động 2

Giáo viên dán hình các khuôn mặt lên bảng sau đó chỉ ngẫu nhiên vào hình và yêu cầu học sinh đọc to các mẫu câu thể hiện cảm xúc. Giáo viên yêu cầu học sinh nhắm mắt lại và lần lượt lấy đi vài hình. Học sinh đoán xem hình nào bị lấy đi và đọc to từ vựng tương ứng.

3. Hoạt động mở sách

Hoạt động 1

Giáo viên hướng dẫn học sinh mở sách và dán hình stickers thể hiện các cảm xúc khác nhau vào tranh. Giáo viên cùng học sinh đọc to các mẫu câu thể hiện cảm xúc.

Hoạt động 2

Giáo viên bật bài hát *If you're happy* và hướng dẫn cả lớp cùng hát đồng thời thực hiện động tác để bài hát thêm sinh động hơn.

4. Kiểm tra mức độ hiểu của học sinh

Hoạt động 1

Giáo viên hát một bài hát quen thuộc với giọng hát thể hiện các cảm xúc khác nhau. Học sinh lắng nghe và đọc to từ vựng tương ứng với cảm xúc của giáo viên khi trình bày bài hát.

Hoạt động 2

Giáo viên yêu cầu học sinh đứng thành vòng tròn và bật nhạc. Khi nhạc ngừng một cách ngẫu nhiên, giáo viên đưa cao hình một loại cảm xúc *happy/ sad/ great/ cold*, học sinh làm những động tác thể hiện cảm xúc đó và cùng đọc to từ vựng tương ứng.



LET'S TALK



MỤC TIÊU

Học sinh hiểu và luyện tập các mẫu câu thể hiện cảm xúc *I'm happy/ cold/ sad/ great*.



HOẠT ĐỘNG

Đọc, nghe và nhắc lại.



TRÌNH TỰ

1. Khởi động

Giáo viên chuẩn bị nhiều hình của các nhân vật hoạt hình với nhiều biểu hiện cảm xúc khác nhau. Học sinh lần lượt chọn hình nhân vật yêu thích và sử dụng từ vựng hợp lý để mô tả cảm xúc của nhân vật đó.

2. Giới thiệu bài

Hoạt động 1: Show me your happy face

Giáo viên giải thích và đặt câu lệnh *Show me your happy face!* thì cả lớp cười vui vẻ và đọc to *I'm happy*. Hoạt động tương tự đối với các cảm xúc còn lại như *Show me your sad face/ Show me you're great/ Show me you're cold*.

Hoạt động 2

Giáo viên mô phỏng các động tác thể hiện cảm xúc, học sinh đoán xem đó là cảm xúc gì và đọc to từ vựng tương ứng đồng thời cũng thực hiện động tác thể hiện cảm xúc đó.

3. Hoạt động mở sách

Hoạt động 1

Giáo viên hướng dẫn học sinh mở sách đồng thời thực hành mẫu câu bằng cách chỉ vào từng hình trong sách và đọc to từ vựng tương ứng. Giáo viên có thể không đọc theo thứ tự các hình và đọc mỗi lúc một nhanh hơn để học sinh luyện tập phản xạ nhanh và chính xác.

Hoạt động 2

Giáo viên hướng dẫn học sinh chơi trò chơi *Spin game*: dùng cây bút chì để vào giữa vòng tròn nhỏ trong hình và xoay bút chì ngẫu nhiên. Khi đầu bút chì chỉ vào hình nào thì học sinh đọc to mẫu câu thể hiện cảm xúc tương ứng.

Lưu ý: Giáo viên có thể làm trò chơi *Spin game* bằng các vật dụng gần gũi với học sinh để tạo hứng thú tham gia trò chơi.

Hoạt động 3: Further practice

Giáo viên hướng dẫn học sinh mở sách phần *Further practice* và vẽ thêm vào hình khuôn mặt cho sẵn để thể hiện các cảm xúc *happy, sad, great, cold*, sau đó học sinh luyện tập với các mẫu câu thể hiện cảm xúc với bạn mình.

4. Kiểm tra mức độ hiểu của học sinh

Hoạt động

Giáo viên lồng ghép việc ôn tập các từ vựng chỉ cảm xúc với chủ đề *Seasons*. Giáo viên dán tranh bốn mùa *Spring* (mùa xuân), *Summer* (mùa hạ), *Autumn* (mùa thu) và *Winter* (mùa đông) xung quanh lớp học. Học sinh sử dụng hình của các biểu tượng cảm xúc mà giáo viên chuẩn bị sẵn, đi vòng quanh lớp học và dán vào từng mùa trong năm.



MỤC TIÊU

Học sinh hiểu và thực hành từ vựng cùng mẫu câu thể hiện cảm xúc.

HOẠT ĐỘNG

Đọc, nghe và nhắc lại.

TRÌNH TỰ

1. Khởi động

Giáo viên dán úp nhiều hình cảm xúc lên bảng sao cho học sinh không nhìn thấy nội dung của hình. Học sinh lần lượt lên bảng chọn một

hình ngẫu nhiên và thể hiện cảm xúc theo đúng nội dung trong hình đồng thời đọc to từ vựng tương ứng.

2. Giới thiệu bài

Hoạt động 1

Giáo viên dán bốn hình cảm xúc lên bảng và thực hành ôn tập từ vựng theo thứ tự. Sau đó, giáo viên hướng dẫn học sinh nhắm mắt lại, đảo vị trí của một hình và yêu cầu học sinh nói được từ vựng nào bị tráo đổi vị trí.

Hoạt động 2

Giáo viên dán bốn hình cảm xúc lên bảng và chia lớp thành hai đội đứng thành hai hàng trước bảng. Thành viên của hai nhóm lắng nghe từ vựng giáo viên đọc và chạm tay vào hình đúng trên bảng đồng thời đọc to từ vựng.

3. Hoạt động mở sách

Hoạt động 1

Giáo viên hướng dẫn học sinh mở sách, chỉ vào từng hình và đọc to các mẫu câu thể hiện cảm xúc.

Hoạt động 2

Sau khi ôn tập các mẫu câu thể hiện cảm xúc, học sinh nối tranh và cùng thực hành hỏi đáp với bạn bên cạnh.

4. Kiểm tra mức độ hiểu của học sinh

Hoạt động 1

Giáo viên cắt tranh của nhiều nhân vật có nhiều cảm xúc khác nhau và chia học sinh thành bốn nhóm *happy, sad, great, cold*. Thành viên từng nhóm lần lượt chọn tranh và phân loại theo đúng biểu tượng cảm xúc của nhóm mình.

Hoạt động 2

Học sinh được chia thành hai nhóm xếp thành hai hàng đọc và thành viên đứng đầu của từng hàng nhận ngẫu nhiên một hình thể hiện cảm xúc. Thành viên của mỗi hàng thể hiện cảm xúc trên hình, đọc to từ vựng và chuyển cho thành viên tiếp theo.



REVIEW

Unit 5 + 6



I

MỤC TIÊU

Học sinh hiểu, nhận biết từ vựng, mẫu câu nói về thức uống yêu thích và các cách thể hiện cảm xúc.

II

HOẠT ĐỘNG

Đọc, nghe và nhắc lại.

III

TRÌNH TỰ

1. Khởi động

Giáo viên mời học sinh tham gia hoạt động bằng cách nói nhỏ một từ vựng chỉ cảm xúc vào tai của học sinh. Học sinh này sẽ thực hiện hoạt động miêu tả cảm xúc đó và các học sinh còn lại đoán từ vựng đó là gì đồng thời đọc to từ vựng tương ứng.

2. Giới thiệu bài

Hoạt động 1

Học sinh xếp thành bốn vòng tròn, mỗi vòng tròn có bốn thành viên được đặt tên theo các cảm xúc *happy, sad, great* và *cold*. Giáo viên bật nhạc và cả bốn vòng tròn nắm tay di chuyển. Khi giáo viên tắt nhạc thì lần lượt từng vòng tròn sẽ đồng thanh nói *We're happy/ cold/ great/ sad*.

Hoạt động 2

Giáo viên chuẩn bị nhiều hình vẽ các biểu tượng cảm xúc và mỗi học sinh nhận được một hình ngẫu nhiên. Các bạn học sinh lắng nghe bài hát và tìm những bạn có chung cảm xúc với mình và đọc to từ vựng tương ứng.

3. Hoạt động mở sách

Hoạt động 1: Match

Giáo viên hướng dẫn học sinh mở sách và ôn tập các từ vựng về thức uống *juice, coke, milk, water*. Sau đó, học sinh nối trinh trong sách và cùng thực hành với bạn bên cạnh.

Hoạt động 2: Draw

Học sinh mở sách và lắng nghe hướng dẫn của giáo viên để vẽ vào khuôn mặt trong sách bốn cảm xúc khác nhau *happy, sad, great, cold*. Học sinh thực hành các từ vựng này cùng với bạn bên cạnh để ôn tập kiến thức.

4. Kiểm tra mức độ hiểu của học sinh

Hoạt động 1

Giáo viên phát cho học sinh hình một loại thức uống ngẫu nhiên *milk, juice, cocke, water*. Trong thời gian giáo viên bắt bài hát, học sinh đi tìm bạn có hình giống mình và đọc to từ vựng tương ứng.

Hoạt động 2

Giáo viên chuẩn bị nhiều hình các loại thứ uống và hướng dẫn học sinh tham gia tiệc. Học sinh tự do chọn loại thức uống yêu thích và đọc to từ vựng tương ứng.

Unit 7

PLANTS



I

MỤC TIÊU

Học sinh nhận biết, hiểu và thực hành với từ vựng về thực vật cùng các cấu trúc câu miêu tả về những vật xung quanh.

II

NGÔN NGỮ

Từ vựng: tree, flower, grass, vegetables.

III

GIÁO CỤ CHUẨN BỊ

Sách, CD, tranh cắt dán, poster, (con rối).



LET'S LISTEN

MỤC TIÊU

Học sinh nghe hiểu những từ vựng mới: tree, flower, grass, vegetables và mẫu câu miêu tả / I can see the trees/ flowers/ grass/ vegetables.

HOẠT ĐỘNG

Đọc, nghe và nhắc lại.

TRÌNH TỰ

1. Khởi động

Giáo viên lần lượt vẽ lên bảng những hình đơn giản của cây, hoa, cỏ, một vài loại rau củ để giới thiệu từ vựng tương ứng tree, flowers, grass, vegetables.

2. Giới thiệu bài

Hoạt động 1

Giáo viên sử dụng lại bức tranh vừa vẽ ở hoạt động khởi động. Giáo viên lần lượt xoá bớt từng hình và yêu cầu học sinh đọc to từ vựng của hình vừa bị xoá.

Hoạt động 2

Giáo viên chuẩn bị nhiều hình tree, flower, grass, vegetables và chia lớp thành hai nhóm. Lần lượt từng thành viên của mỗi đội dán hình đúng theo yêu cầu của giáo viên lên bảng và đọc to từ vựng tương ứng.

3. Hoạt động mở sách

Hoạt động 1

Giáo viên hướng dẫn học sinh mở sách và giới thiệu ngữ cảnh gia đình vịt dạo chơi trong khu vườn. Giáo viên chỉ vào từng hình, đọc to các từ vựng và học sinh lắng nghe và lặp lại.

Hoạt động 2

Giáo viên hướng dẫn mẫu câu hỏi *What can you see?* và câu trả lời *I can see the trees/ flowers/ grass/ vegetables.* Học sinh lắng nghe hướng dẫn, nhìn hình và lặp lại từ vựng tương ứng.

4. Kiểm tra mức độ hiểu của học sinh

Hoạt động 1: Act out

Giáo viên trang trí lớp học như một khu vườn với các hình của cây cối, hoa, cỏ và rau củ. Giáo viên cùng học sinh đóng vai vịt mẹ cùng vịt con tham quan khu vườn và thực hành hỏi đáp với các từ vựng tương ứng.

Hoạt động 2

Cũng trong khu vườn ở Hoạt động 1, giáo viên lần lượt lấy đi vài hình *tree, flower, grass* và *vegetables* sau đó hỏi học sinh hình gì bị lấy đi.



MỤC TIÊU

Học sinh hát bài hát: *In the garden*

Lời bài hát:

*In the garden,
I can see the flowers.
I can see the trees.
I can see the grass.
I can see the vegetables.*

HOẠT ĐỘNG

Đọc, nghe và nhắc lại.

TRÌNH TỰ

1. Khởi động

Giáo viên chuẩn bị hình *tree, flower, grass, vegetables* và thiết kế thành vương miện đội đầu đồng thời phát cho mỗi học sinh một cái

ngẫu nhiên. Giáo viên bật bài hát và cả lớp di chuyển thành vòng tròn. Khi giáo viên ngưng nhạc và đọc to từ vựng, học sinh nào cầm vương miện có hình tương ứng với từ vựng giáo viên vừa đọc đưa tay lên và lặp lại từ vựng đó.

2. Giới thiệu bài

Hoạt động 1

Giáo viên chuẩn bị hai bức tranh khu vườn có bốn hoặc nhiều hơn bốn điểm khác nhau tương ứng với bốn từ vựng hoặc các từ vựng đã học từ những bài học trước. Học sinh tìm ra những điểm khác nhau và đọc to các từ vựng tương ứng.

Hoạt động 2

Giáo viên chuẩn bị nhiều hình của *tree*, *flower*, *grass*, *vegetables* yêu cầu học sinh xếp thành vòng tròn. Khi giáo viên bật nhạc và ngưng nhạc ở từng từ vựng, học sinh tìm hình tương ứng và đọc to từ vựng đó.

3. Hoạt động mở sách

Hoạt động 1

Giáo viên hướng dẫn học sinh mở sách, thực hành hỏi đáp về các từ vựng trong hình, sử dụng mẫu câu *What can you see?* và *I can see the flower/ grass/ tree/ vegetables.*

Hoạt động 2

Giáo viên mở bài hát và hướng dẫn học sinh hát theo. Học sinh hát và chỉ vào hình tương ứng.

4. Kiểm tra mức độ hiểu của học sinh

Hoạt động 1

Giáo viên dán hình *tree*, *flower*, *grass*, *vegetables* ở khắp nơi trong lớp sau đó yêu cầu học sinh tìm hình theo hướng dẫn của giáo viên và đọc to từ vựng tương ứng.

Hoạt động 3

Giáo viên chuẩn bị nhiều hình *tree*, *flower*, *grass*, *vegetables* với nhiều màu sắc và kích thước khác nhau đồng thời chia học sinh thành hai hoặc ba nhóm. Học sinh thiết kế khu vườn yêu thích của mình và giới thiệu sản phẩm trước lớp.



LET'S TALK



MỤC TIÊU

Học sinh nghe hiểu mẫu câu hỏi *What can you see (in the garden)?* và câu trả lời *I can see the big flower, I can see the apple tree, I can see a lot of grass, I can see the vegetables.*

HOẠT ĐỘNG

Đọc, nghe và nhắc lại.

TRÌNH TỰ

1. Khởi động

Giáo viên chuẩn bị hình *tree* có hai kích thước to nhỏ khác nhau để hướng dẫn học sinh khái niệm *big* và *small*.

2. Giới thiệu bài

Hoạt động

Giáo viên yêu cầu học sinh xếp thành vòng tròn và mỗi bạn cầm một hình自然界 của *tree*, *flower*, *grass*, *vegetables*. Giáo viên bật nhạc và học sinh di chuyển theo vòng tròn. Khi nhạc ngừng, giáo viên đọc to câu lệnh *trees, sit down! flowers, jump! grass, turn around! vegetables, clap hands*. Học sinh lắng nghe và làm động tác tương ứng theo câu lệnh.

3. Hoạt động mở sách

Hoạt động 1

Giáo viên hướng dẫn học sinh mở sách đồng thời thực hành hỏi đáp với các hình ảnh có trong sách sử dụng mẫu câu *What can you see in the garden?* và câu trả lời *I can see the big flower, I can see the apple tree, I can see a lot of grass, I can see the vegetables.*

Hoạt động 2: Further practice

Giáo viên hướng dẫn học sinh mở sách phần *Further practice*, thực hành ôn tập các từ vựng liên quan, sau đó tô màu tùy thích.

4. Kiểm tra mức độ hiểu của học sinh

Hoạt động 1

Giáo viên vẽ hình cây lên bảng và vẽ hoặc dán hình quả táo, chuối, cam lên cây (từ vựng đã được học từ những đơn vị bài học trước). Học sinh nhìn hình và thực hành từ vựng.

Hoạt động 2

Tiếp theo hoạt động 1, giáo viên vẽ hoặc dán hình một quả táo bên dưới cây táo để thực hành mẫu câu *I can see the apple under the tree*. Học sinh nhìn hình và thực hành mẫu câu.



MỤC TIÊU

Học sinh hiểu và thực hành từ vựng chỉ cây cối, hoa quả *banana, apple, orange, tree, flower, grass, vegetable*.

HOẠT ĐỘNG

Đọc, nghe và nhắc lại.

TRÌNH TỰ

1. Khởi động

Giáo viên vẽ hình các loại trái cây lên bảng nhưng chỉ vẽ một phần và yêu cầu học sinh đoán đó là loại trái gì đồng thời đọc to từ vựng tương ứng.

2. Giới thiệu bài

Hoạt động 1

Giáo viên dán hình các loại trái cây lên bảng và chuẩn bị nhiều biểu tượng cảm xúc vui buồn. Giáo viên đọc to câu lệnh *I like apple/ I don't like apple*, học sinh lần lượt chọn biểu tượng cảm xúc thích hợp và dán lên loại trái cây tương ứng.

Hoạt động 2: Eat and see

Giáo viên chuẩn bị hình trái cây và cây cối với nhiều hình dạng và kích thước khác nhau và hướng dẫn học sinh tham gia trò chơi. Giáo viên chia bảng thành hai cột có hai hình miệng và mắt. Học sinh lần lượt chọn hình và dán vào cột tương ứng.

Ví dụ: Cột có hình miệng: (bao gồm những trái ăn được) *banana, apple, orange, vegetable*. Cột hình mắt (bao gồm những thứ nhìn được) *tree, flower, grass*.

3. Hoạt động mở sách

Hoạt động 1

Giáo viên học sinh mở sách và dùng hình dán vào tranh cho phù hợp đồng thời thực hành ôn tập từ vựng tương ứng.

Hoạt động 2

Mở rộng hoạt động 1, học sinh vẽ thêm hình các loại trái cây hoặc thực vật, vào trang sách sau đó tô màu tùy thích. Học sinh vẽ thêm khuôn mặt cười cho các loại trái cây và thực vật mà mình yêu thích và khuôn mặt buồn cho những thứ mà mình không thích.

4. Kiểm tra mức độ hiểu của học sinh

Hoạt động 1

- Giáo viên chuẩn bị nhiều hình của hai nhóm *fruits* và *plants* với kích thước to nhỏ khác nhau đồng thời chia bảng thành hai phần, một phần để dán hình có kích thước to, phần bảng còn lại để dán hình có kích thước nhỏ.

- Học sinh làm việc theo nhóm, chọn hình, phân biệt kích thước lớn nhỏ và dán vào phần bảng thích hợp đồng thời đọc to từ vựng tương ứng.

Hoạt động 2

Giáo viên chuẩn bị tranh khu vườn kèm theo nhiều hình của trái cây, thực vật với nhiều kích thước và màu sắc khác nhau. Học sinh lần lượt chọn hình và đặt vào vị trí theo yêu cầu của giáo viên. Ví dụ: *I can see the banana under the tree, I can see the flowers in the grass, I can see the vegetables in the garden, v.v*

Unit 8

NUMBERS



I

MỤC TIÊU

Học sinh nghe hiểu, thực hành từ vựng số đếm: *six, seven, eight, nine, ten* và mẫu câu *How many?*.

II

NGÔN NGỮ

Từ vựng: *six, seven, eight, nine, ten.*

III

GIÁO CỤ CHUẨN BỊ

Sách, CD, tranh cắt dán, poster, (con rối).



LET'S LISTEN

●

MỤC TIÊU

Học sinh nghe hiểu số đếm *six, seven, eight, nine, ten.*

●

HOẠT ĐỘNG

Đọc, nghe và nhắc lại.

●

TRÌNH TỰ

1. Khởi động

- Học sinh ngồi theo vòng tròn và ở giữa vòng tròn giáo viên viết các chữ số *six, seven, eight, nine, ten.* Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc các chữ số bằng tiếng Anh.

- Sau đó, học sinh lần lượt ném quả bóng vào bất kì chữ số nào, ví dụ quả bóng được ném trúng vào số sáu *six* thì học sinh đọc *to six.*

2. Giới thiệu bài

Hoạt động 1

- Giáo viên gọi học sinh xung phong chơi trò chơi và phát cho mỗi học sinh một hình các chữ số *six, seven, eight, nine* và *ten.* Yêu cầu các em đứng đúng thứ tự và lặp lại các từ vựng bằng tiếng Anh.

- Học sinh xếp hàng ngang và đưa hình lên cao. Giáo viên đọc ngẫu nhiên các chữ số và khi đọc đến số nào thì học sinh cầm hình có số tương ứng sê bước lên phía trước và lặp lại.

Hoạt động 2

Giáo viên mô phỏng cách đọc các từ *six, seven, eight, nine* và *ten;*

có thể đọc phát ra các phụ âm cuối và yêu cầu học sinh đoán xem đó là số mấy. Học sinh lặp lại và giáo viên điều chỉnh cách phát âm sao cho chính xác.

3. Hoạt động mở sách

Hoạt động 1

- Giáo viên yêu cầu học sinh mở sách đồng thời chỉ vào từng hình và lần lượt hỏi *How many?*.
- Học sinh đếm số lượng bong bóng và trả lời số lượng tổng cộng là *Six*.
- Thực hiện tương tự cho các số còn lại *seven*, *eight*, *nine* và *ten*. Học sinh luyện tập hỏi và đáp theo nhóm hoặc theo cặp.

Hoạt động 2

Giáo viên có thể hỏi học sinh số lượng bong bóng theo màu sắc, ví dụ *How many red balloons?*. Học sinh đếm số lượng bong bóng theo từng màu và trả lời phù hợp.

4. Kiểm tra mức độ hiểu của học sinh

Hoạt động 1

- Học sinh ngồi theo vòng tròn và giáo viên viết các chữ số *six*, *seven*, *eight*, *nine* và *ten* vào giữa vòng tròn. Sau đó giáo viên đặt các hình *apple*, *banana* và *orange* vào từng ô gạch có sẵn chữ số.
- Học sinh ném quả bóng vào bất kì ô nào, ví dụ nếu học sinh ném quả bóng vào ô số sáu và trong ô này có hình *apple* thì học sinh sẽ đọc to là *apple, apple, apple, apple, apple, apple* (sáu lần từ *apple*).

Hoạt động 2

- Học sinh ngồi theo vòng tròn và giáo viên viết các chữ số *six*, *seven*, *eight*, *nine* và *ten* vào giữa vòng tròn. Sau đó giáo viên đặt các tấm card có hình *trees* và *flowers* vào từng ô gạch có sẵn chữ số.
- Học sinh ném quả bóng vào bất kì ô nào, ví dụ nếu học sinh ném quả bóng vào ô số sáu và trong ô này có hình *trees* thì học sinh sẽ đọc to là *six trees*.



LET'S SING

MỤC TIÊU

Học sinh hát bài hát *Ten little ducks*

Lời bài hát:

*Ten little ducks jumping on the bed
One falls down and hurts its head
Mommy calls the doctor
And the doctor says
"No more little ducks jumping on the bed."*

● HOẠT ĐỘNG ➤

Đọc, nghe và nhắc lại.

● TRÌNH TỰ ➤

1. Khởi động

- Cả lớp xếp thành hàng ngang hoặc hàng dọc. Học sinh lần lượt đếm số *one, two, three, four, five, six, seven, eight, nine, ten*. Hết mười học sinh đầu tiên thì đến mười học sinh tiếp theo cũng bắt đầu đếm từ một đến mười.

- Sau khi học sinh đã nhớ số của mình thì giáo viên có thể gọi ngẫu nhiên một vài em và hỏi *What's your number?*. Nếu học sinh trả lời không chính xác thì sẽ rời khỏi hàng và giáo viên tiếp tục gọi ngẫu nhiên thêm vài học sinh còn lại.

2. Giới thiệu bài

Hoạt động 1

- Giáo viên viết lên bảng các chữ số ngẫu nhiên từ sáu đến mười (6, 7, 8, 9, 10). Sau đó giáo viên phát cho học sinh các hình có ghi chữ viết *six, seven, eight, nine, ten*.

- Học sinh sẽ nối chữ số và chữ viết bằng tiếng Anh sau đó đọc to các từ vựng đó.

Hoạt động 2

- Giáo viên chia lớp thành ba nhóm và viết các chữ số (6, 7, 8, 9, 10) hoặc chữ viết (*six, seven, eight, nine, ten*) lên bảng.

- Giáo viên đọc ngẫu nhiên các con số và cả ba nhóm phải chỉ vào đúng số đó. Sau đó đọc to từ vựng. Nhóm nào chỉ vào bảng nhanh hơn và đúng sẽ chiến thắng.

3. Hoạt động mở sách

Hoạt động 1

- Giáo viên yêu cầu học sinh mở sách, chỉ vào tranh và hỏi học sinh *How many?*

- Học sinh đếm số lượng vịt con và trả lời *ten*. Giáo viên mở rộng hướng dẫn học sinh nói cụm từ *Ten little ducks*.

- Giáo viên giới thiệu ngữ cảnh có mười con vịt con nhảy trên giường *Jumping on the bed*.

- Giáo viên hỏi tiếp *How many fall down?*? Học sinh chỉ vào tranh và trả lời *One*. Giáo viên hướng dẫn học sinh nói *one falls down*. Khi bị té thì vịt con cảm thấy thế nào? Giáo viên giới thiệu tiếp cụm từ *Hurts its head* (*Bị té đau đầu*).

- Giáo viên chỉ tiếp vào hình còn lại và hỏi *How many fall down?*? Học sinh trả lời *two*. Giáo viên có thể hướng dẫn học sinh nói *Two fall down*.

Hoạt động 2

- Giáo viên chỉ vào hình bác sĩ và giới thiệu từ *Doctor* và cụm từ *Calls the doctor*. Bật nhạc và hướng dẫn học sinh hát theo.

- Giáo viên có thể gọi mười học sinh đóng vai *Ten Little Ducks*, một học sinh đóng vai *Mommy* và một học sinh đóng vai *Doctor*. Sau đó hát đối đáp với nhau.

4. Kiểm tra mức độ hiểu của học sinh

Hoạt động 1

Giáo viên hướng dẫn học sinh sáng tạo lời bài hát trên bằng cách thay thế câu *One falls down and hurts its head* thành *two/ three/ four... fall down and hurt their heads*. Học sinh hát đóng vai và thể hiện các động tác trong bài hát.

Hoạt động 2

- Chia lớp thành hai nhóm, mỗi nhóm nhận một bộ các con số từ một đến mười.

- Giáo viên sẽ đọc ngẫu nhiên các con số không theo thứ tự và yêu cầu mỗi nhóm sắp xếp theo đúng dãy số mà mình vừa đọc.

- Nhóm nào có dãy số giống với dãy số của giáo viên sẽ chiến thắng.



MỤC TIÊU

Học sinh hiểu và thực hành hỏi *How many?* đồng thời trả lời *six, seven, eight, nine, ten*.

HOẠT ĐỘNG

Đọc, nghe và nhắc lại.

TRÌNH TỰ

1. Khởi động

- Giáo viên phát cho mỗi học sinh một con số và cho lớp di chuyển tự do xung quanh lớp học theo điệu nhạc.

- Giáo viên tắt nhạc ngẫu nhiên và gọi to, ví dụ *number six!* Tất cả những học sinh nào có số sáu phải tập hợp lại với nhau theo một nhóm rồi đọc to *six!*

2. Giới thiệu bài

Hoạt động 1

- Giáo viên yêu cầu học sinh xếp thành một hàng dọc hoặc hàng ngang và đếm số, bắt đầu từ *six, seven, eight, nine* cho đến *ten*.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh mang số *seven* sẽ đọc từ *ball*, học sinh mang số *nine* sẽ đọc từ *balloon*. Sau đó yêu cầu học sinh đếm lại như sau *six, ball, eight, balloon, ten*.
- Thực hành đếm nhiều lần với nhiều học sinh khác nhau và tuân theo quy định trên. Học sinh nào đếm sai hoặc gọi sai từ sẽ rời khỏi hàng. Cuối trò chơi, những học sinh nào còn đứng lại trong hàng sẽ chiến thắng.

Hoạt động 2

- Giáo viên cho học sinh đếm số từ một đến mươi *one, two, three, four, five, six, seven, eight, nine, ten*. Sau đó cho học sinh di chuyển tự do theo nhạc.
- Giáo viên tắt nhạc ngẫu nhiên và yêu cầu học sinh xếp thành một hàng theo đúng thứ tự từ một đến mươi. Học sinh đọc lại *one, two, three, four, five, six, seven, eight, nine, ten*.

3. Hoạt động mở sách

Hoạt động 1

Giáo viên yêu cầu học sinh mở sách và dùng hình stickers dán vào các con số cho sẵn trong sách. Sau đó học sinh thực hành hỏi và đáp theo nhóm hoặc theo cặp.

Hoạt động 2 *Further practice*

- Giáo viên hướng dẫn học sinh cắt và dán hình xúc xắc ở phần *Further practice*.
- Học sinh làm việc theo cặp và xoay hoặc ném hình con xúc xắc. Một em hỏi *How many?* và em còn lại trả lời tương ứng với hình trên con xúc xắc.

4. Kiểm tra mức độ hiểu của học sinh

Hoạt động 1: *Bingo*

- Giáo viên phát cho mỗi học sinh một tờ giấy trên đó có kẻ sẵn một bản gồm chín ô vuông, ở mỗi ô vuông có một chữ số *six, seven, eight, nine, ten* không theo thứ tự.
- Sau đó giáo viên đọc các con số một cách ngẫu nhiên. Học sinh nào có đủ ba chữ số giống với các chữ số giáo viên vừa đọc xuất hiện trên ba ô vuông (theo hàng ngang, hàng dọc hoặc hàng chéo) thì sẽ nói to *Bingo!*

Hoạt động 2

- Giáo viên dán nhiều bộ chữ *six, seven, eight, nine, ten* một cách ngẫu nhiên lên bảng sau đó chia lớp thành hai nhóm và mỗi nhóm sẽ sắp xếp các hình dán theo thứ tự đúng.

- Hoặc giáo viên có thể cho các bộ chữ từ một đến mười *one, two, three, four, five, six, seven, eight, nine, ten* để học sinh sắp xếp lại. Nhóm nào hoàn thành trước và đúng nhất sẽ chiến thắng.



MỤC TIÊU

Học sinh ôn tập các số đếm *six, seven, eight, nine, ten*.

HOẠT ĐỘNG

Đọc, nghe và nhắc lại.

TRÌNH TỰ

1. Khởi động

- Giáo viên lần lượt đưa hình các số đếm 6, 7, 8, 9, 10 lên cao và hỏi học sinh *What number is it?* Học sinh trả lời *six, seven, eight, nine, ten*.

- Sau đó giáo viên cầm hình số sáu và *tree* đưa lên cao rồi hướng dẫn học sinh nói cụm từ *six trees*.

- Tương tự như vậy giáo viên có thể sử dụng các hình khác như *flower, apple, banana, orange*.

2. Giới thiệu bài

Hoạt động 1

- Giáo viên chuẩn bị nhiều hình số đếm và hình *ball, flower, tree*, v.v. Mỗi học sinh tự chọn cho mình một hình, hoặc số đếm hoặc đồ vật, cây cối.

- Giáo viên bật nhạc và cả lớp di chuyển tự do sau đó giáo viên tắt nhạc ngẫu nhiên và gọi to ví dụ *seven trees* thì các học sinh cầm hình *seven* và *tree* phải đi tìm và đứng cạnh nhau, rồi lặp lại *seven trees*.

Hoạt động 2

- Giáo viên dán nhiều hình số đếm và hình đồ vật, cây cối hoặc trái cây lên bảng sau đó gọi hai học sinh xung phong lên trước lớp nhưng đứng quay lưng lại bảng.

- Giáo viên đọc to, ví dụ *six balls* thì học sinh quay lại nhìn bảng và tìm nhanh hình *six* và hình *balls* sau đó lặp lại *six balls*. Học sinh nào tìm nhanh hơn và đúng các hình sẽ được một điểm. Tương tự như thế cho các hình còn lại.

3. Hoạt động mở sách

Hoạt động 1

Giáo viên hướng dẫn học sinh mở sách và thực hành hỏi đáp với các mẫu câu *What's this?/ How many?* cùng các từ vựng tương ứng.

Hoạt động 2: Find and color

- Giáo viên hướng dẫn học sinh nhìn vào bức tranh khu vườn và tìm các hình theo đúng số lượng cho sẵn ở Hoạt động 1. Sau đó học sinh tô màu tranh, có thể tô màu giống với hình cho sẵn hoặc tô màu tùy thích.

4. Kiểm tra mức độ hiểu của học sinh

Hoạt động 1: Draw a monster

- Học sinh làm việc theo cặp hoặc theo nhóm để cùng vẽ hình con quái vật *Monster* có nhiều bộ phận trên cơ thể. Ví dụ *Monster* có hai mũi (*two noses*), ba mắt (*three eyes*), bốn tai (*four ears*), v.v.

- Sau đó mỗi cặp hoặc nhóm trình bày hình *Monster* của mình cho cả lớp cùng xem.

Hoạt động 2

- Giáo viên chuẩn bị hình tròn to, các con số từ một đến mười hai *one, two, three, four, five, six, seven, eight, nine, ten, eleven, twelve* và hai cây kim ngắn dài để tạo thành chiếc đồng hồ.

- Giáo viên dán các con số lên hình tròn. Sau đó nói bây giờ là mấy giờ, ví dụ *It's six*. Học sinh sẽ dán hai cây kim đồng hồ cho đúng và lặp lại *It's six*.

Hoạt động 3

- Hoạt động 3 thực hiện ngược lại Hoạt động 2, tức là giáo viên sẽ dán hình hai cây kim đồng hồ lên trước và hỏi học sinh *What time is it?*. Học sinh dựa vào hình để trả lời câu hỏi.

REVIEW

Unit 7 + 8



I

MỤC TIÊU

Học sinh ôn tập các từ vựng chỉ thực vật *tree, flower, vegetables, grass* và số đếm *six, seven, eight, nine, ten*.

II

HOẠT ĐỘNG

Đọc, nghe và nhắc lại.

III

TRÌNH TỰ

1. Khởi động

- Giáo viên chuẩn bị một bức tranh to có hình nhiều đồ vật hoặc trái cây quen thuộc với học sinh và gọi to hỏi *How many apples?* Học sinh đếm xem có bao nhiêu quả táo và trả lời.

2. Giới thiệu bài

Hoạt động 1

- Giáo viên vẽ hoặc dán hình cây lên bảng. Sau đó dán hình *apples, bananas* hoặc *oranges* lên cây. Giáo viên có thể giới thiệu *It's an apple tree/ It's a banana tree/ It's an orange tree*.

- Giáo viên hỏi *How many apples in the tree?* rồi lần lượt dán hình các quả táo, vừa dán vừa đếm với học sinh *one, two, three, four, five, six, seven, eight, nine, ten*.

Hoạt động 2

- Giáo viên chuẩn bị một hộp vuông (hình con xúc xắc) và trên mỗi mặt của hộp có ghi các con số *five, six, seven, eight, nine, ten*.

- Học sinh ném hộp và khi hộp rơi xuống, học sinh nhìn thấy con số nào thì đếm từ một đến con số đó. Ví dụ học sinh nhìn thấy số sáu thì phải đếm *one, two, three, four, five, six*.

3. Hoạt động mở sách

Hoạt động 1: Match and color

- Giáo viên yêu cầu học sinh mở sách sau đó chỉ vào tranh và hỏi học sinh *What's this?* hoặc *What are these?*

- Học sinh trả lời *flower, tree, vegetables* và *grass*. Giáo viên hướng dẫn học sinh nối tranh và tô màu.

Hoạt động 2: Color

- Giáo viên chỉ vào tranh và hỏi học sinh *What number is it?*
Giáo viên hướng dẫn học sinh trả lời và tô màu các con số.

4. Kiểm tra mức độ hiểu của học sinh

Hoạt động 1

- Giáo viên sử dụng lại hộp vuông ở Hoạt động 2 trong phần Giới thiệu bài. Trên mỗi mặt của hộp có dán sẵn một con số và giáo viên dán thêm các hình *apple, banana, orange, tree, flower, ball*.

- Học sinh ném hộp. Ví dụ học sinh nhìn thấy số bảy *seven* và hình *banana* thì phải nói được *seven bananas*. Giáo viên chú ý hướng dẫn học sinh phát âm đúng danh từ số nhiều có thêm *s* hoặc *es*.

Hoạt động 2

Thực hiện tương tự Hoạt động 1, nhưng lần này học sinh phải lắc lướt đếm, ví dụ *one banana, two bananas, three bananas, four bananas, five bananas, six bananas, seven bananas*.





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 7303 5556 - Fax: (028) 3830 5002
Website: phuongnam.edu.vn



BỘ SÁCH ĐƯỢC PHÁT HÀNH TẠI:

- **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC PHƯƠNG NAM**
Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 7303 5556 - Fax: (028) 3830 5002
Website: phuongnam.edu.vn
- **CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ**
- **CÁC CỬA HÀNG SÁCH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**
231 Nguyễn Văn Cừ, Quận 5. Điện thoại: (028) 7303 5556 - 801
223 Nguyễn Tri Phương, Quận 5. Điện thoại: (028) 3859 1410
261C Lê Quang Định, quận Bình Thạnh. Điện thoại: (028) 7303 5556 - 901
116 Đinh Tiên Hoàng, quận Bình Thạnh. Điện thoại: (028) 3899 7116

